

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1344/QĐ-ĐHKTQD ngày 26 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

CHƯƠNG TRÌNH/PROGRAMME: TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO/LEVEL OF EDUCATION:	CỬ NHÂN KINH TẾ ĐẦU TƯ /BACHELOR OF INVESTMENT ECONOMICS ĐẠI HỌC/UNDERGRADUATE
NGÀNH ĐÀO TẠO/MAJOR:	KINH TẾ ĐẦU TƯ
MÃ NGÀNH/CODE:	7310104
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO/TYPE OF EDUCATION:	CHÍNH QUY/FULL - TIME
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO/LANGUAGE	TIẾNG VIỆT/VIETNAMESE
THỜI GIAN ĐÀO TẠO/DURATION TIME	4 NĂM/ 4 YEARS

1. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân đại học ngành Kinh tế Đầu tư có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức và sức khỏe tốt, chuyên nghiệp và có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, quản lý, quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về đầu tư; có tư duy nghiên cứu độc lập; có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- *Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:* đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:* Cử nhân ngành Kinh tế Đầu tư có khả năng làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, bộ phận quản lý đầu tư tại các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Trung tâm xúc tiến đầu tư, Ban Quản lý các khu công nghiệp, Ban quản lý dự án...); làm việc tại các Tập đoàn, Tổng công ty, các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, tổ chức tài chính - ngân hàng, các quỹ đầu tư... với các chức danh chuyên viên đầu tư, chuyên viên tư vấn, chuyên viên

phân tích đầu tư, cán bộ thẩm định dự án, chuyên viên xúc tiến đầu tư, cán bộ quản lý rủi ro...; thực hiện các dự án khởi nghiệp và quản lý đầu tư cá nhân.

Cử nhân Kinh tế Đầu tư sau khi tích lũy kinh nghiệm có khả năng trở thành cán bộ quản lý trong lĩnh vực đầu tư, trưởng phòng hoặc trưởng ban đầu tư tại các doanh nghiệp, các định chế tài chính, phụ trách các trung tâm xúc tiến đầu tư.

Cử nhân ngành Kinh tế Đầu tư có cơ hội tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ sau đại học (thạc sĩ và tiến sĩ Kinh tế Đầu tư) có thể trở thành giảng viên, cán bộ nghiên cứu của các cơ sở đào tạo về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh tại các trường Đại học, Viện nghiên cứu.

- **Trình độ ngoại ngữ và tin học:** đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. CHUẨN ĐẦU RA

CDR	Mô tả	Mã CDR
Chuẩn đầu ra về kiến thức	Cử nhân Kinh tế Đầu tư có kiến thức cơ bản về các lý thuyết đầu tư, nắm bắt các nguyên tắc quản lý hoạt động đầu tư, có hiểu biết về hoạt động đầu tư và quản lý đầu tư tại một doanh nghiệp/cơ quan/tổ chức; hiểu được yêu cầu phối hợp giữa bộ phận đầu tư và với các bộ phận khác để đạt được mục tiêu của doanh nghiệp/cơ quan/tổ chức; có khả năng tích hợp kiến thức nền tảng để phát hiện vấn đề về đầu tư trong doanh nghiệp/cơ quan/tổ chức.	CĐR1
	Cử nhân Kinh tế Đầu tư nắm vững các nguyên tắc và quy trình xây dựng chiến lược, kế hoạch đầu tư; có khả năng vận dụng kiến thức đầu tư vào các lĩnh vực, địa phương; Nắm bắt được các văn bản pháp luật về đầu tư để vận dụng vào các hoạt động đầu tư phát triển, đầu tư tài chính, đầu tư quốc tế; hiểu được nguyên lý của phân tích, định giá tài sản và quản lý tài sản. Có kiến thức cơ bản về phân tích đầu tư, định giá doanh nghiệp, phát hành và huy động vốn cho đầu tư.	CĐR2
	Cử nhân Kinh tế Đầu tư có khả năng thể hiện hiểu biết về môi trường đầu tư trong nước, quốc tế; phân tích được ảnh hưởng của toàn cầu hóa tới hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp. Có kiến thức chuyên sâu, vận dụng thành thạo các nghiệp vụ lập, phân tích, thẩm định, đấu thầu các dự án cả khu vực công và khu vực tư.	CĐR3
	Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin; vận dụng trong học tập, nghiên cứu và học tập các môn học khác và tích cực tiếp thu các tri thức của nhân loại	CĐR4

CDR	Mô tả	Mã CDR
	vào đời sống thực tiễn trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới đương đại. Hiểu biết về thể chế nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh	
	Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề về kinh tế, quản lý đầu tư. Hiểu về quy trình, tác động của chính sách và vận dụng trong việc hoạch định, tổ chức và đánh giá chính sách. Có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi và phát triển của kinh tế - xã hội - khoa học - công nghệ.	CDR5
Chuẩn đầu ra về kỹ năng	Cử nhân Kinh tế Đầu tư có khả năng làm chủ kỹ thuật công nghệ cần thiết, kỹ thuật phân tích định tính và định lượng, sử dụng các mô hình toán học căn bản để phân tích, diễn giải dữ liệu về môi trường đầu tư, chương trình và dự án đầu tư, kết quả - hiệu quả đầu tư của nền kinh tế, của doanh nghiệp và của cá nhân.	CDR6
	Cử nhân kinh tế Đầu tư thành thạo trong phân tích, tổng hợp và sử lý những vấn đề liên quan đến đầu tư; Có khả năng xây dựng các chiến lược, kế hoạch đầu tư, phát hiện và lựa chọn cơ hội đầu tư, xây dựng các chương trình xúc tiến đầu tư, đánh giá rủi ro đầu tư và đưa ra quyết định đầu tư. Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn.	CDR7
	Cử nhân Kinh tế Đầu tư có khả năng ứng dụng kiến thức được học để giải quyết vấn đề đầu tư trong những tình huống cụ thể; có kỹ năng thực hành thẩm định đầu tư, định giá, quản trị danh mục đầu tư.	CDR8
	Cử nhân Kinh tế Đầu tư có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đàm phán; viết báo cáo và thuyết trình chuyên môn liên quan tới chiến lược, kế hoạch và thực thi các mảng hoạt động được giao.	CDR9
	Cử nhân Kinh tế Đầu tư có kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm năng động và đa dạng; có đủ sức khỏe và có những kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng theo yêu cầu của Thông tư số 31/2012/TT-BGD & ĐT ngày 12.9.2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	CDR10
CDR Tin học	Chuẩn đầu ra tin học (chứng chỉ tin học quốc tế MOS/IC3/ ICDL) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	CDR11

CĐR	Mô tả	Mã CĐR
CĐR Ngoại ngữ	Chuẩn đầu ra ngoại ngữ (chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 và tương đương) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	CĐR12
Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Cử nhân Kinh tế Đầu tư có hiểu biết về pháp luật, yêu cầu tuân thủ pháp luật và có khả năng vận dụng vào thực tiễn trong cuộc sống cũng như trong công việc; tuân thủ các quy định của đơn vị, tổ chức; thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa và CMCN4.0; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm với công việc và với xã hội.	CĐR13

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 130 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP: Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Cấu trúc cơ bản

Bảng 1. Các khối kiến thức trong CTĐT

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	44	
1.1. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	04 học phần chung của Trường
1.3. Các học phần của ngành	12	04 học phần chung của lĩnh vực
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	86	
<i>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</i>	15	05 HP chung của nhóm ngành
<i>2.2. Kiến thức ngành</i>	43	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	28	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)

2.3. Kiến thức chuyên sâu	18	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
2.4. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	130	Không kể GDQP & AN và GDTC

7.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến 04 năm/08 học kỳ, mỗi kỳ 12-18 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

Bảng 2. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh tế đầu tư)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	1. Kiến thức giáo dục đại cương			44		
	1.1. Các học phần chung			20		
1	1	Triết học Mác - Lênin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I	
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II	
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	II	
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III	
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	III	
6	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
	7	Giáo dục Thể chất Physical Education	GDTC	4		
	8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP	8- 11		
	1.2. Các học phần của Trường			12		
7	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
8	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
9	3	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
10	4	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
	1.3. Các học phần của ngành			12		

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh tế đầu tư)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
11	1	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics in economics and bussiness	TKKD1129	3	II	
12	2	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	III	
13	3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán Probability and Mathematical Statistics	TOKT1145	3	I	
14	4	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT1107	3	IV	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				86		
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				15		
15	1	Kinh tế đầu tư 1 Investment Economics 1	DTKT1106	3	III	KHMI1101, KHMA1101
16	2	Kinh tế quốc tế International Economics	TMKQ1123	3	III	KHMI1101, KHMA1101
17	3	Kinh tế lao động Labor Economics	NLKT1115	3	IV	KHMI1101, KHMA1101
18	4	Kinh tế phát triển Development economics	PTKT1128	3	IV	KHMI1101, KHMA1101
19	5	Kinh tế và quản lý môi trường Environmental Economics and Management	MTKT1104	3	V	KHMI1101, KHMA1101
2.2. Kiến thức ngành				46		
2.2.1 Các học phần bắt buộc				28		
20	1	Lập dự án Projects design	DTKT1155	4	IV	KHMI1101, KHMA1101
21	2	Quản lý dự án Projects Management	DTKT1163	4	V	DTKT1155
22	3	Phân tích báo cáo tài chính Financial Statement Analysis	KTTC1111	3	IV	KTKE1101
23	4	Kinh tế học cho người ra quyết định đầu tư Economics for Investment Decision Makers	DTKT1119	3	IV	KHMI1101, KHMA1101
24	5	Chuyên đề Tin học quản lý đầu tư Using softwares to establish and manage project	DTKT1149	3	VI	DTKT1155
25	6	Đầu thầu Procurement	DTKT1133	3	V	KHMI1101, KHMA1101
26	7	Thị trường vốn Capital Market	DTKT1116	3	VI	NHLT1107
27	8	Thẩm định dự án đầu tư Investment Project Appraisal	DTKT1169	3	VI	DTKT1155

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh tế đầu tư)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
28	9	Đề án môn học - Kinh tế đầu tư Course Project	DTKT1122	2	VI	DTKT1106
	2.2.2 Các học phần tự chọn (SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp)			15		
	1	Đầu tư tài chính Financial Investment	DTKT1134	3	VII	DTKT1116
	2	Ngân hàng thương mại Commercial Banking	NHTM1121	3	VI	NHLT1107
	3	Kinh tế đô thị Urban Economics	MTDT1115	3	IV	KHMI1101, KHMA1101
	4	Thống kê đầu tư và xây dựng Statistics for Investment and Constructions	TKKD1115	3	IV	TOKT1106
	5	Kinh tế lượng 1 Econometrics 1	TOKT1101	3	VI	KHMI1101, KHMA1101
	6	Quản trị chiến lược Strategic Management	QTKD1132	3	V	KHMI1101, KHMA1101
	7	Trực quan hóa dữ liệu trong kinh doanh Data Visualization in Business	TIKT1138	3	VI	
	8	Đầu tư quốc tế International Investment	DTKT1120	3	V	KHMI1101, KHMA1101
	9	Kinh tế bảo hiểm Insurance Economics	BHKT1156	3	V	KHMI1101, KHMA1101
	2.3. Kiến thức chuyên sâu (SV tự chọn 6 học phần trong tổ hợp)			18		
	1	Kinh tế đầu tư 2 Investment Economics 2	DTKT1126	3	V	DTKT1106
	2	Quản lý chi phí dự án Project Cost Management	DTKT1161	3	VII	DTKT1155
34	3	Chuyên đề: Hệ thống đầu tư đa biên và công ty đa quốc gia The Multilateral Investment System and Multinational Enterprises	DTKT1150	3	VII	DTKT1120
35						
36	4	Pháp luật về đầu tư Law on Investment	LUKD1163	3	IV	LUCS1129
37	5	Đánh giá giá trị doanh nghiệp Corporate Valuation	MKDG1114	3	VI	DTKT1106
38	6	Hội nhập kinh tế quốc tế Internationnal Economic Integration	TMKQ1107	3	VII	TMKQ1101
39	7	Đầu tư theo hình thức PPP Public Private Partnership	DTKT1123	3	VI	DTKT1153
	8	Kế toán dự án đầu tư Investment Project Accounting	KTKE1107	3	VII	KTKE1101
40	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>		DTKT1172	10	VIII	
	Tổng số tín chỉ			130		

8. Hướng dẫn thực hiện

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 hoặc 03 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.
- Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.
- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.
- Nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.
- Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.
- Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra Tin học và Ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN, hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Phạm Văn Hùng

PGS.TS Phạm Hồng Chương